

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà A;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà B;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà C;
- Nguồn số 04: Nước thải y tế phát sinh tại khu nhà A;
- Nguồn số 05: Nước thải y tế phát sinh tại khu nhà B;
- Nguồn số 06: Nước thải y tế phát sinh tại khu nhà C;
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ nhà bếp tại khu nhà C;
- Nguồn số 08: Nước thải giặt là phát sinh tại khu nhà C.

**2. Dòng nước thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hệ thống công thoát nước dọc đường quy hoạch K1 thuộc Tiểu khu đô thị số 5, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- 01 dòng nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm dẫn ra hệ thống công thoát nước dọc đường quy hoạch K1 thuộc Tiểu khu đô thị số 5, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2485962; Y = 0421224 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3).

**2.3. Lưu lượng xả nước thải:** 59,06m<sup>3</sup>/ngày đêm hoặc 2,46 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.4. Phương thức xả nước thải:** Tự chảy.

**2.5. Chế độ xả nước thải:** Liên tục (24 giờ/ngày)

**2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, k=1,2), cụ thể như sau:**

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	Cơ sở không thuộc đối

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	50	tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và sửa đổi bổ sung tại Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ)
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH	

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2032, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
<b>I</b>	<b>Bảng 1</b>			Cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
1	BOD <sub>5</sub>	mg/L	≤ 80	
2	COD	mg/L	≤ 130	
3	TSS	mg/L	≤ 120	
<b>II</b>	<b>Bảng 2</b>			
4	pH	-	6 - 9	
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40	
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 60	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	$\leq 5000$	<i>được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và sửa đổi bổ sung tại Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ)</i>
8	Amoni (N-NH <sup>4+</sup> ), tính theo N	mg/L	$\leq 12$	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	$\leq 30$	
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 5,0$	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

##### **1.1.1. Nguồn số 01, 02 và 03:**

- Nước thải xám từ các chậu rửa, phễu thu sàn trong các nhà vệ sinh tại khu nhà A, khu nhà B, khu nhà C được dẫn vào hệ thống các đường ống thu gom, sau đó đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải đen từ xí, tiểu vệ sinh chung được dẫn vào các bể tự hoại đặt ngầm tại khu nhà A, khu nhà B, khu nhà C (tổng số 05 bể tự hoại 03 ngăn: 02 bể khu nhà A, 02 bể khu nhà B và 01 bể khu nhà C, dung tích 9,7 m<sup>3</sup>/bể). Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn vào hệ thống các đường ống thu gom, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

##### **1.1.2. Nguồn số 04, 05 và 06:**

- Nước thải y tế trong quá trình khám chữa bệnh của các khoa phòng tại khu nhà A, khu nhà B, khu nhà C được thu vào các hố ga nước thải y tế và dẫn vào hệ thống các đường ống thu gom, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

##### **1.1.3. Nguồn số 07:**

Nước thải từ nhà bếp tại khu nhà C được gom vào bể tách mỡ dung tích 1,44m<sup>3</sup> đặt bên ngoài nhà bếp và dẫn vào đường ống thu gom, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

##### **1.1.4. Nguồn số 08:**

- Nước thải giặt là khu nhà C được dẫn vào hệ thống đường ống thu gom, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

**1.2.1. Bể tự hoại:** 05 bể tự hoại 03 ngăn (02 bể tại khu nhà A, 02 bể tại khu nhà B, 01 bể tại khu nhà C, dung tích 9,7 m<sup>3</sup>/bể).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn 1 (Điều hoà, lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 2 (Lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 3 (Lắng, chảy tràn) → Hồ ga nước thải hạ tầng → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh bể bột 15kg/năm.

**1.2.2. Bể tách mỡ:** 01 bể tách mỡ 02 ngăn tại khu nhà C, dung tích 1,44m<sup>3</sup>.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải bếp → Ngăn 1 (chứa) → Ngăn 2 (lắng) → Hồ ga nước thải hạ tầng → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

**1.2.3. Trạm xử lý nước thải tập trung:**

Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Trạm dùng chung cho 02 Bệnh viện: Bệnh viện Y học cổ truyền và Bệnh viện Nội tiết), sử dụng công nghệ AAO (Phương pháp bùn hoạt tính) + MBBR (Đệm sinh học). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K=1,2).

Quy trình xử lý: Nước thải → Song chắn rác → Hồ ga đầu vào → Bể lắng cát → Bể điều hoà → Bể yếm khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí, MBBR → Bể lắng sinh học → Bồn lọc cát → Bể khử trùng TSE → Hồ ga đầu ra → Hệ thống thoát nước Bệnh viện phục hồi chức năng → Hệ thống cống thoát nước dọc đường quy hoạch K1 thuộc Tiểu khu đô thị số 5, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

- Công suất thiết kế: 200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Keo tụ PAC-FeCl<sub>3</sub>: 11,25/tháng; Điều chỉnh độ pH (NaOH): 30kg/tháng; Khử trùng (NaOCl): 45,5kg/tháng.

## **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

## **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Vận hành đúng quy trình hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung. Bố trí nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải; kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời các sự cố của hệ thống. Lập sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị trạm xử lý nước thải 06 tháng/01 lần. Kiểm tra các bể xử lý, trang thiết bị, đường ống dẫn nhằm phát hiện kịp thời các hiện tượng nứt, thủng, rò rỉ. Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh dẫn nước thải, bể chứa, hồ ga định kỳ...

- Trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, dừng hoạt động, nước thải bệnh viện phải được lưu giữ tại bể điều hòa dung tích chứa tối đa 260m<sup>3</sup> để xử lý đảm bảo đến khi trạm hoạt động trở lại.

- Bố trí nhân viên trực, thường xuyên kiểm tra, theo dõi để phát hiện các dấu hiệu bất thường và có phương án xử lý kịp thời.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh** từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước** mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**3.3. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo**, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra.** Sở nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải ghi chép đầy đủ thông tin (*người vận hành, thời gian, lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, loại, định mức hóa chất sử dụng, thời gian xảy ra sự cố, nguyên nhân, thời gian khắc phục (thời gian bắt đầu, kết thúc)*). Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

**3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị**, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm** trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phần A Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường này ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục; chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường trong khu vực.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày 15/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực công ra vào Bệnh viện.
- Nguồn số 2: Khu vực sân bệnh viện.
- Nguồn số 3: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

**2. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**2.1. Tiếng ồn:**

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (Từ 6h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (Từ 18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (Từ 22h00 đến trước 6h00) (dBA)
Khu vực A	50	45	40

**2.2. Độ rung:**

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (Từ 6h00 đến trước 22h00) (dB)	Đêm (Từ 22h00 đến trước 06h00) (dB)
Khu vực A	60	55

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

**1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh)** đảm bảo động cơ của máy phát điện dự phòng hoạt động ổn định và lắp giảm thanh cho máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

**1.2. Lắp đặt chân đế, bộ phận** chống rung động cho máy phát điện dự phòng đảm bảo theo quy định.

**1.3. Trồng cây xanh khuôn viên cơ sở,** các tuyến đường nội bộ để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung** phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

**2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn** của chi tiết động cơ, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND*  
*ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh
1	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	18 01 03	kg/năm	318,5
2	Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn	18 01 03	kg/năm	874
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>Kg/năm</b>	<b>1.192,5</b>

**1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải rắn vô cơ	kg/năm	525
2	Chất thải rắn hữu cơ	kg/năm	225
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>kg/năm</b>	<b>750</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy và lót túi nilong.
- Khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại 12m<sup>2</sup>
- Thiết kế, cấu tạo: Kho CTNH có kết cấu nhà cấp IV lợp mái tôn, gồm 02 ngăn: 01 ngăn lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm; 01 ngăn lưu giữ chất thải lây nhiễm. Kho kín, tường bao quanh, nền đổ bê tông, có biển cảnh báo rõ ràng, có cửa đóng mở khi ra vào.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để

sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- CTNH chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:***

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy và lót túi nilong.
- Khu vực lưu giữ: Diện tích 12m<sup>2</sup>.
- Kho có tường bao, lợp mái, nền lát xi măng, chống thấm và có biển cảnh báo kho chứa.

### ***2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:***

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thực hiện thu gom, xử lý bùn thải từ các bể tự hoại, trạm xử lý nước thải tập trung theo quy định.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại rác thải tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

**1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với các sự cố khác** theo quy định của pháp luật.

**2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố** theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

**3. Chủ cơ sở có trách nhiệm** ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập), không còn hạng mục còn tiếp tục thực hiện.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

**1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm** về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

**2. Quản lý các chất thải phát sinh** trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Định kỳ (01 năm) phải chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định của địa phương.

**3. Tuân thủ đầy đủ các quy định** về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,

an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan.

**4. Nghiêm túc vận hành trạm xử lý** nước thải tập trung theo đúng quy trình, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh cơ sở.

**5. Thực hiện báo cáo công tác** bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

**6. Thực hiện đúng, đầy đủ** trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.